

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN HÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

LƯU CPA VIETNAM

Hà Nội, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
2	Báo cáo của Kiểm toán viên	4 - 5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình (sau đây được viết tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Công nghệ và Truyền hình theo Quyết định số 233/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Bộ và Quyết định số 975/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 04 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công nghệ và Truyền hình.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0101334094, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 07 năm 2015- “Chuyển đổi từ Công ty phát triển Công nghệ và Truyền hình cấp ngày 23/01/2003 theo Quyết định số 3676/QĐ-BVHTTDL ngày 15/10/2010 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 40.040.930.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 17.450.930.000 đồng tương đương với 43,6% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 22.590.000.000 đồng tương đương với 56,4% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần 4.004.093 là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5, Phố Thi Sách, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Tư vấn công nghệ, cung cấp, lắp đặt và chuyển giao công nghệ các hệ thống thiết bị đồng bộ cho ngành phát thanh, truyền hình, văn hóa, thể thao.
- Thi công nội thất, décor và cung cấp thiết bị đồng bộ hoàn chỉnh cho studio truyền hình, phòng hòa nhạc, nhà hát, công trình thể thao và thiết bị biểu diễn cho ngành văn hóa khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến thời điểm lập Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị

+ Ông Vũ Dũng Tiến	Chủ tịch HĐQT
+ Bà Phạm Kim Chi	Thành viên HĐQT
+ Ông Lương Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
+ Ông Vũ Công Tường	Thành viên HĐQT
+ Ông Cao San	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

+ Ông Vũ Dũng Tiến	Tổng Giám đốc
+ Ông Lương Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
+ Ông Phạm Vinh Hiễn	Phó Tổng Giám đốc
+ Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên của hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Trách nhiệm và cam kết của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

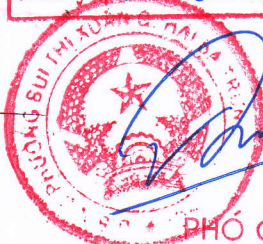
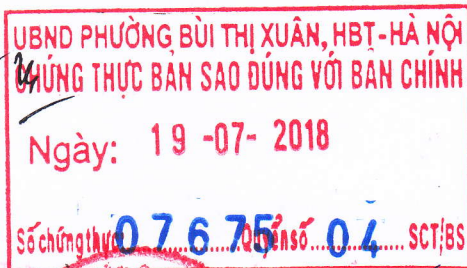
TM. Ban Tổng Giám đốc Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc



Vũ Dũng Tiến



PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Vũ

Số: 149/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN HÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình, được lập ngày 24/02/2017, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các qui định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2016. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi xác định được tính đúng đắn và hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính do các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
 0133-2015-137-1
 Thay mặt và đại diện cho
 Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hương
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
 1417-2015-137-1

UBND PHƯỜNG BUI THỊ XUÂN, HBT - HÀ NỘI
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày: 19 -07- 2018
 Số chứng thực: 07675 Quyển số: 04 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
 Đặng Anh Vũ

Mẫu số B01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		264.739.400.796	190.933.089.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	31.504.853.535	32.815.230.942
1. Tiền	111		31.504.853.535	32.815.230.942
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		125.585.221.943	121.834.368.003
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	97.153.240.637	102.899.606.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.775.585.769	18.447.502.801
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	4.656.395.537	487.258.969
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	138			
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	105.482.724.692	35.260.896.632
1. Hàng tồn kho	141		105.482.724.692	35.260.896.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.166.600.626	1.022.593.599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			1.022.593.599
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.166.600.626	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.08		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			26.332.693.394	28.377.612.597
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		8.552.510.158	9.274.974.759
I. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	8.552.510.158	9.274.974.759
- Nguyên giá	222		13.984.061.317	13.798.061.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.431.551.159)	(4.523.086.558)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.780.183.236	19.102.637.838
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	17.780.183.236	19.102.637.838
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			291.072.094.190	219.310.701.773

Mẫu số B01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		249.163.705.762	178.368.319.463
I. Nợ ngắn hạn	310		249.163.705.762	178.368.319.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	71.382.184.017	43.820.437.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.235.316.000	46.443.949.780
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	620.166.998	2.236.813.985
4. Phải trả người lao động	314		2.002.296.722	2.381.689.602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.09	10.238.544.910	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10	2.980.000.000	980.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	8.430.886.180	14.779.235.711
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	102.640.537.331	57.632.792.241
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.633.773.604	10.093.400.545
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.908.388.428	40.942.382.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	41.908.388.428	40.942.382.310
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.040.930.000	40.040.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.867.458.428	901.452.310
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			291.072.094.190	219.310.701.773

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

UBND PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, HBT - HÀ NỘI
 Người lập: **CHỮNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH** Kế toán trưởng

Ngày: 19-07-2018

Số chứng thực: 07675/04/CT/BS

Nguyễn Lương Ngọc Vũ Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT
 Tổng Giám đốc



Vũ Dũng Tiến



Mẫu số B02- DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	522.752.534.080	342.219.267.017
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		522.752.534.080	342.219.267.017
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	496.425.242.792	327.860.387.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.327.291.288	14.358.879.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.075.108.894	29.212.580
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6.720.403.646	1.774.481.750
- Trong đó: Chi phí lãi vay			4.408.292.500	1.192.259.847
8. Chi phí bán hàng	24		1.421.895.579	879.844.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.464.842.718	5.313.165.005
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.795.258.239	6.420.600.498
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		43.186.230	
13. Lợi nhuận khác	40		(43.186.230)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.752.072.009	6.420.600.498
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.05	1.385.371.362	1.412.532.110
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.366.700.647	5.008.068.388
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	1.340	1.251

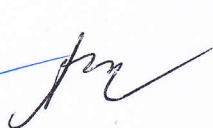
HÀ NỘI, NGÀY 19 THÁNG 07 NĂM 2018
 CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 19 -07- 2018
 Người lập: 076750 Kế toán trưởng
 Số chứng thực: 076750 Quyền

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Chủ tịch HĐQT
 Tổng Giám đốc


 Nguyễn Lương Ngọc
 PHÓ CHỦ TỊCH


 Vũ Thị Thanh Huyền


 Vũ Dũng Tiên



Mẫu số B03- DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	574.574.980.577	283.619.803.860
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(434.157.025.340)	(175.322.405.826)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.641.280.188)	(7.731.016.695)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(3.677.029.726)	-
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.000.000.000)	(927.102.756)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.295.574.460	9.433.686
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50.425.399.217)	(41.359.061.359)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.969.820.566	58.289.650.910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(186.000.000)	24.481.294
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(186.000.000)	24.481.294
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	(500.806.839)	
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.557.182.920	22.266.073.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.884.474.054)	(56.924.837.368)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.266.100.000)	(1.136.533.924)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(66.094.197.973)	(35.795.298.292)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(1.310.377.407)	22.518.833.912
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.815.230.942	10.296.397.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.504.853.535	32.815.230.942

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập

UBND PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, HBT-HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BAN SAO ĐÚNG VỚI BAN CHẤM
 Ngày: 19-07-2018
 Số chứng thực: 07675... Ủy quyền số: 04... SCT/BS

Kế toán trưởng

Nguyễn Lương Ngọc

Vũ Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT
 Tổng Giám đốc



Vũ Dũng Tiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Công nghệ và Truyền hình theo Quyết định số 233/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Bộ.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0101334094, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 07 năm 2015- “Chuyển đổi từ Công ty phát triển Công nghệ và Truyền hình cấp ngày 23/01/2003 theo Quyết định số 3676/QĐ-BVHTTDL ngày 15/10/2010 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: Số 5, Phố Thi Sách, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Tư vấn công nghệ, cung cấp, lắp đặt và chuyển giao công nghệ các hệ thống thiết bị đồng bộ cho ngành phát thanh, truyền hình, văn hóa, thể thao.
- Thi công nội thất, décor và cung cấp thiết bị đồng bộ hoàn chỉnh cho studio truyền hình, phòng hòa nhạc, nhà hát, công trình thể thao và thiết bị biểu diễn cho ngành văn hóa khác.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (ký hiệu “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay" và Điều 54 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế được đóng góp bởi các cổ đông. Tại ngày 31/12/2016, cơ cấu Vốn góp của các cổ đông cụ thể như sau:

Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị Vốn góp	Tỷ lệ
Cổ đông là Nhà nước	1.745.093	17.450.930.000	43,6%
Cổ đông khác	2.259.000	22.590.000.000	56,4%
- Công ty TNHH Medcom Systems	990.000	9.900.000.000	24,7%
- Cổ đông là các cá nhân	1.269.000	12.690.000.000	31,7%
Tổng	4.004.093	40.040.930.000	100,0%

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng ban điều hành, quỹ khen thưởng phúc lợi: được tạm trích lập theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-DHĐCĐTN.2016 ngày 09 tháng 07 năm 2016.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa:* Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị phát thanh truyền hình. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. (Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	73.472.904	782.901.445
- Tiền mặt VND	54.077.754	763.506.295
- Tiền mặt USD	19.395.150	19.395.150
Tiền gửi ngân hàng	31.431.380.631	32.032.329.497
- Tiền gửi VND	31.405.656.492	31.995.672.555
NH TMCP Công thương Việt Nam	422.991.772	9.677.997.709
NH TMCP Quân đội	29.624.586.949	21.322.881.280
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	98.158.585	107.236.455
NH Công thương Việt Nam - TP.HCM	1.320.102	1.318.103
NH Công thương Việt Nam (TK phong tỏa)	1.974.625	1.974.625
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN	1.256.624.459	884.264.383
- Tiền gửi ngoại tệ	25.724.139	36.656.942
NH TMCP Công thương Việt Nam	24.292.735	35.225.538
NH TMCP Quân đội	1.431.404	1.431.404
Tổng cộng	31.504.853.535	32.815.230.942

02. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ban Truyền hình đối ngoại - VTV4	3.795.888.400	-	6.125.095.200	-
Ban Đầu tư	18.612.835.109	-	-	-
Hãng Phim Giải Phóng	500.000.000	-	842.774.859	-
Học viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam	101.099.448	-	1.836.088.044	-
MEDCOM	-	-	6.559.182.470	-
Trung tâm kỹ thuật sản xuất chương trình-ĐTHVN	-	-	19.154.383.500	-
Trung tâm truyền hình thời tiết và cảnh báo thiên tai	14.385.497.500	-	13.286.328.000	-
Trung tâm truyền hình Việt Nam tại phú yên	-	-	4.902.530.000	-
Trung tâm tư liệu	152.526.000	-	246.807.000	-
Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt nam	35.537.448.450	-	35.005.835.120	-
Đài Phát Thanh và Truyền hình Hà Nội	12.107.932.040	-	14.940.582.040	-
Đài Truyền Hình Thành Phố Hồ Chí Minh	11.960.013.690	-	-	-
Tổng cộng	97.153.240.637	-	102.899.606.233	-

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

03. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	3.420.025.529	-	-	-
Chi Cục Hải Quan Hải Phòng KV I	1.665.998.036	-	-	-
Chi Cục Hải Quan Hải Phòng KV III	1.179.026.993	-	-	-
Phải thu khác	575.000.500	-	-	-
b) Tạm ứng	1.190.590.149	-	441.479.110	-
Hoàng Thị Hậu	15.900.000	-	-	-
Hà Minh Lương	15.000.000	-	15.000.000	-
Nguyễn Huy Quang	10.000.000	-	10.000.000	-
Nguyễn Kim Lan	100.629.000	-	53.850.000	-
Nguyễn Lan Phương	61.528.800	-	61.528.800	-
Nguyễn Quang Hanh	-	-	38.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Hương	5.000.000	-	5.000.000	-
Nguyễn Thị Thu Hà	25.000.000	-	25.000.000	-
Nguyễn Thị Thơ	10.000.000	-	10.000.000	-
Nguyễn Thị Tĩnh	5.000.000	-	5.000.000	-
Nguyễn Toàn Thắng	20.800.000	-	28.800.000	-
Nguyễn Văn Linh	5.000.000	-	5.000.000	-
Nguyễn Đăng Quang	-	-	12.000.000	-
Phạm Vinh Hiền	511.870.857	-	38.772.955	-
Trần Hoài Nam	229.759.596	-	44.650.596	-
Vũ Dũng Tiến	115.101.896	-	81.876.759	-
Vũ Quang Hưng	7.000.000	-	7.000.000	-
Đỗ Như Quỳnh	32.000.000	-	-	-
Phạm Văn Trịnh	21.000.000	-	-	-
b) Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược	45.779.859	-	45.779.859	-
MB Bank (USD)	1.979.859	-	1.979.859	-
Đối tượng khác	43.800.000	-	43.800.000	-
Tổng cộng	4.656.395.537	-	487.258.969	-

04. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	3.054.431.012	-	-	-
Hàng hóa	102.428.293.680	-	35.260.896.632	-
Tổng cộng	105.482.724.692	-	35.260.896.632	-

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

05. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
<i>Dư đầu năm</i>	10.864.913.479	610.852.383	2.322.295.455	13.798.061.317
<i>Tăng trong năm</i>				-
- Mua trong năm	-	40.000.000	146.000.000	186.000.000
<i>Giảm trong năm</i>				-
<i>Dư cuối năm</i>	10.864.913.479	650.852.383	2.468.295.455	13.984.061.317
Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Dư đầu năm</i>	2.929.593.513	463.897.601	1.129.595.444	4.523.086.558
<i>Tăng trong năm</i>	379.151.633	87.803.625	441.509.344	908.464.601
- Khấu hao trong năm	379.151.633	87.803.625	441.509.344	908.464.601
<i>Giảm trong năm</i>				-
<i>Dư cuối năm</i>	3.308.745.146	551.701.226	1.571.104.788	5.431.551.159
Giá trị còn lại				
<i>Đầu năm</i>	7.935.319.966	146.954.782	1.192.700.011	9.274.974.759
<i>Cuối năm</i>	7.556.168.333	99.151.157	897.190.667	8.552.510.158

06. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền thuê đất trả trước cho 50 năm	14.168.842.350	14.459.485.270
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	3.611.340.886	4.643.152.568
Tổng cộng	17.780.183.236	19.102.637.838



Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

07. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu tư Phát Triển E&C Thăng Long	610.916.000	610.916.000	610.916.000	610.916.000
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Văn Hóa, Dân Dụng, Công Nghiệp Hà Nội	214.641.150	214.641.150	607.573.000	607.573.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghệ Quốc Gia ADG	-	-	79.990.108	79.990.108
Công ty TNHH Kingsmen Việt Nam	573.420.570	573.420.570	2.000.584.460	2.000.584.460
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ kỹ thuật số	-	-	302.802.500	302.802.500
Công Ty TNHH Thương Mại Thành Lợi	-	-	67.096.194	67.096.194
Công ty TNHH Tích Hợp Hệ Thống CMC	-	-	86.482.400	86.482.400
Công ty TNHH XD và Nội thất Thanh Tùng	-	-	46.073.500	46.073.500
Công ty TNHH Điện - Điện tử 3C	2.544.780.908	2.544.780.908	49.225.000	49.225.000
Digicast PTE.,LTD	10.744.371.666	10.744.371.666	23.438.746.367	23.438.746.367
P2P Solutions Pte Ltd	8.852.181.168	8.852.181.168	-	-
Unlimited Technology Limited	-	-	16.530.948.070	16.530.948.070
Công ty CP Kỹ thuật Điện Việt Pháp	1.135.183.050	1.135.183.050	-	-
Công ty CPĐT XD và TM Nga Việt	48.313.182	48.313.182	-	-
Công ty CP Công nghệ Quang Dũng Miền Bắc - QD.TEK	158.369.958	158.369.958	-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghệ Quốc Gia ADG	11.088.000	11.088.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ Điện-Điện tử Sài gòn	671.000.000	671.000.000	-	-
Công ty TNHH Giải pháp Techlink	21.939.170	21.939.170	-	-
Công ty TNHH SX&TM TKT Việt Nam	217.917.370	217.917.370	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại Thành Lợi	34.415.920	34.415.920	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp điện Việt Nl	660.217.745	660.217.745	-	-
Medcom Systems Pte.LTD	31.031.771.200	31.031.771.200	-	-
Nikko Technology Limited	13.851.656.960	13.851.656.960	-	-
Tổng cộng	71.382.184.017	71.382.184.017	43.820.437.599	43.820.437.599

08. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải trả

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	41.764.044.160	41.764.044.160	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.972.085.427	17.972.085.427	-
Thuế TNDN	667.843.179	1.385.371.362	2.000.000.000	53.214.541
Thuế TNCN	795.998.038	1.088.650.781	1.317.696.362	566.952.457
Các loại thuế khác	772.972.768	2.776.240.403	3.549.213.171	-
Tổng cộng	2.236.813.985	64.986.392.133	66.603.039.120	620.166.998

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09. Chi phí phải trả

a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Trích trước chi phí HĐ 09/2015		-
- Công ty Cổ phần Coma18	5.503.822.183	-
- Công ty CP Công nghệ và Đầu tư Phát triển giáo dục Việt Nam	354.000.000	-
- Công ty TNHH Điện Thành An	4.380.722.727	-
Tổng cộng	<u>10.238.544.910</u>	<u>-</u>

10. Doanh thu chưa thực hiện

a) *Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn*

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Cung cấp xe ô tô Fotuner cho Trung tâm đo lường (HĐ 22)	-	980.000.000
Hỗ trợ kỹ thuật cho hệ thống thời sự và hệ thống PS (HĐ 05/201	2.980.000.000	-
Tổng cộng	<u>2.980.000.000</u>	<u>980.000.000</u>

11. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Kinh phí công đoàn		342.061.162
Cổ tức phải trả	2.312.258.957	2.905.083.084
Phải trả, phải nộp khác	6.118.627.223	11.532.091.465
Tổng cộng	<u>8.430.886.180</u>	<u>14.779.235.711</u>

12. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>12/31/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn VND	-	-	57.632.792.241	57.632.792.241
Ngân hàng TMCP công thương VN - Chi nhánh HN	-	-	15.911.052.408	15.911.052.408
Ngân hàng TMCP Quân đội-VND	12.091.109.920	12.091.109.920	11.900.000.000	11.900.000.000
Ngân hàng BIDV	71.549.427.411	71.549.427.411	19.643.940.910	19.643.940.910
Vay đối tượng khác	19.000.000.000	19.000.000.000	10.177.798.923	10.177.798.923
Tổng cộng	<u>102.640.537.331</u>	<u>102.640.537.331</u>	<u>57.632.792.241</u>	<u>57.632.792.241</u>

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 04/07/2015	42.690.097.841	-	-	42.690.097.841
Tăng vốn trong năm nay	-	901.452.310	12.365.185.161	13.266.637.471
- Lãi trong năm nay	-	-	12.365.185.161	12.365.185.161
- Phân phối lợi nhuận	-	901.452.310	-	-
Giảm vốn trong năm nay	2.649.167.841	-	12.365.185.161	15.014.353.002
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	12.365.185.161	12.365.185.161
- Lỗi trong năm nay	-	-	-	-
- Giảm khác	2.649.167.841	-	-	2.649.167.841
Số dư tại ngày 31/12/2015	40.040.930.000	901.452.310	-	40.942.382.310
- Lãi trong năm nay	-	-	5.366.700.647	5.366.700.647
- Phân phối lợi nhuận	-	-	5.366.700.647	5.366.700.647
- Tăng khác năm nay	-	966.006.118	-	966.006.118
Số dư tại ngày 31/12/2016	40.040.930.000	1.867.458.428	-	41.908.388.428

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
- Vốn góp của Nhà nước	17.450.930.000	17.450.930.000
- Vốn góp của cổ đông khác	22.590.000.000	22.590.000.000
+ Công ty TNHH Medcom Systems	9.900.000.000	9.900.000.000
+ Cổ đông là các cá nhân	12.690.000.000	12.690.000.000
Cộng	40.040.930.000	40.040.930.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp tại ngày 01/01/2016	40.040.930.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp tại ngày 31/12/2016	40.040.930.000

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.004.093	4.004.093
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.004.093	4.004.093
+ Cổ phiếu phổ thông	4.004.093	4.004.093
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.004.093	4.004.093
+ Cổ phiếu phổ thông	4.004.093	4.004.093
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000

Từ 01/01/2016 đến
31/12/2016

đ) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	N/A
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	N/A
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	N/A
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	N/A

e) Các quỹ của doanh nghiệp:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Quỹ đầu tư phát triển:	1.867.458.428	901.452.310
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:	-	-

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH. (Đơn vị tính: VND)

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	522.752.534.080	342.219.267.017
Tổng cộng	522.752.534.080	342.219.267.017

02. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
Giá vốn hàng hóa dịch vụ	496.425.242.792	327.860.387.658
Tổng cộng	496.425.242.792	327.860.387.658

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
Lãi tiền gửi	92.577.039	24.481.294
Chênh lệch tỷ giá	982.531.855	4.731.286
Tổng cộng	1.075.108.894	29.212.580

04. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
Lãi vay	4.408.292.500	1.192.259.847
Chênh lệch tỷ giá	2.312.111.146	582.221.903
Tổng cộng	6.720.403.646	1.774.481.750

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

05. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.752.072.009	6.420.600.498
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, không có hóa đơn tài chính</i>	174.784.800	
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		
Tổng thu nhập chịu thuế	6.926.856.809	6.420.600.498
Thuế TNDN phải nộp theo thu nhập chịu thuế		
Thuế TNDN được giảm		
Thuế Thu nhập phải nộp	1.385.371.362	1.412.532.110
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.366.700.647	5.008.068.388

06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	5.366.700.647	5.008.068.388
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông v	5.366.700.647	5.008.068.388
Cô phiếu phổ thông đang lưu		
hành bình quân trong kỳ (CP)	4.004.093	4.004.093
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phần)	1.340	1.251

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Số liệu so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/07/2015 đến 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

UBND PHƯỜNG BUI THỊ XUÂN, HBT - HÀ NỘI
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Người lập Kế toán trưởng
 Ngày: 19 -07- 2018
 Số chứng thực 07675...04 SCT/BS

Nguyễn Lương Ngọc

Vũ Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT
 Tổng Giám đốc
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CÔNG NGHỆ VÀ
 TRUYỀN HÌNH
 HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI

Vũ Dũng Tiên

PHÓ CHỦ TỊCH